

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ)

(Ngày 26 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên **TRẦN THỊ MINH HUỆ** Ngày, tháng, năm sinh: 06/01/1971
- Chức vụ/chức danh công tác: Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Đăng Hải
- Nơi thường trú: Số 88 Đặng Ma La, tổ dân phố 90 Phường Lê Chân, TP. Hải Phòng
- Số căn cước công dân ⁽³⁾: 031171010551; ngày cấp: 23/11/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đinh Văn Minh Ngày tháng năm sinh: 20/07/1963
- Nghề nghiệp: Sĩ quan Quân đội nghỉ hưu
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Bộ Chỉ huy Quân sự Thành phố Hải Phòng
- Nơi thường trú: Số 88 Đặng Ma La, tổ dân phố 90 Phường Lê Chân, TP. Hải Phòng
- Số căn cước công dân: 031063010717; ngày cấp: 28/06/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất: Đã thành niên

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Đã thành niên

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Số 88 Đặng Ma La, tổ dân phố 90 Phường Lê Chân, TP. Hải Phòng
- Diện tích⁽⁹⁾: 100m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 01 tỷ đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số DN 555204 do Chi nhánh Văn phòng đăng kí đất đai quận Lê Chân cấp ngày 22/12/2023; vào sổ số cấp giấy chứng nhận: CN 00706.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: TDP 3 Kiều Hạ, phường An Dương, thành phố Hải Phòng
- Diện tích⁽⁹⁾: 2.104 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định được giá trị do không thực hiện giao dịch
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số AA382713 do UBND huyện An Dương cấp ngày 12/11/2004; vào sổ số 02535/ QSDĐ
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Đất thổ cư do bố mẹ chồng để lại.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Trồng cây hàng năm
- Địa chỉ: TDP 3 Kiều Hạ, phường An Dương, thành phố Hải Phòng
- Diện tích: 542 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: Không xác định được giá trị do không thực hiện giao dịch
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: I 778204 do UBND huyện An Hải cấp ngày 02/4/1997, vào sổ số 00463/ QSDĐ.
- Thông tin khác (nếu có): Đất do nhà nước giao cho gia đình bên chồng để trồng cây hàng năm (Năm 2004 cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ)

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số 88 Đặng Ma La, tổ dân phố 90 Phường Lê Chân, TP. Hải Phòng

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ, xây dựng trên thửa đất thứ nhất.
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 400 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 2.980.000.000 (Hai tỉ chín trăm tám mươi triệu đồng)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Đã xác lập tài sản trên GCN QSD đất Số DN 555204 cấp ngày 22/12/2023 cho bà Trần Thị Minh Huệ.
- Thông tin khác (nếu có): Xây dựng trên mảnh đất thửa thứ nhất tại địa chỉ Số 88 Đặng Ma La, tổ dân phố 90 Phường Lê Chân, TP. Hải Phòng từ năm 2021 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số DN 555204 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Lê Chân cấp ngày 22/12/2023; vào sổ số cấp giấy chứng nhận: CN 00706.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

Handwritten signature

Handwritten signature

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:.....Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:.....Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:.....Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: Xe ô tô KIA K3. Số đăng kí: 15A-17286 . Giá trị: 800 triệu đồng
- Tên tài sản: Xe mô tô SH. Số đăng kí: 15C-12768. Giá trị: 72 triệu đồng.
- Tên tài sản: Xe mô tô SH mode. Số đăng kí: 15B4-20697. Giá trị: 65 triệu đồng

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

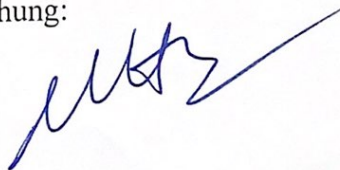
8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: 622.816.000 đồng.

- Tổng thu nhập của người kê khai: 415.816.000. đồng
- Tổng thu nhập của chồng: 207.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:
- Tổng các khoản thu nhập chung:



III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

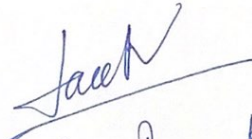
Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được			

Jack

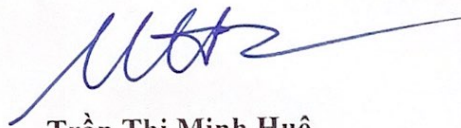
Minh

cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		+ 622.816.000 đồng	-Lương và các khoản phụ cấp theo lương của người kê khai: 415.816.0000 đồng. - Lương hưu của chồng: 207.000.000 đồng.

Hải An, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


 Nguyễn Hùng Bôn

Hải An, ngày 26 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)


 Trần Thị Minh Huệ